TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Gấm Nh, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 49D, LVK, khu phố H, Phường 5, thành phố A, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 301, Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Gấm Nh trình bày: Qua thời gian tìm hiểu quen biết nhau, bà và ông Nguyễn Văn L tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 21/12/2002. Sau khi cưới vợ chồng ông bà sinh sống tại ấp 5, xã Quê

Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An khoảng 10 năm. Sau đó, vợ chồng ông bà về sống với cha mẹ ruột của bà tại Phường 5, thành phố A, tỉnh Long An. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông L vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên nhậu nhẹt ngày đêm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà và ông L đã không sống chung với nhau khoảng hơn 03 tháng nay. Hiện tại, ông L đã về nhà mẹ ruột ở ấp 5, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An để sinh sống. Cả hai vợ chồng cũng không liên hệ qua lại với nhau.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà xác định bà và ông L có 01 con chung tên Nguyễn An N, sinh ngày 19/5/2000, hiện đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung hiện nay đang sinh sống với ông L.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông L không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông L không có nợ ai.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Văn L được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà Nh nhưng ông L vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật; Không tiến hành hòa giải, do nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Gấm Nh có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Gấm Nh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Theo kết quả xác minh ngày 11/4/2023 của Trưởng Công an xã T xác nhận: Ông L hiện đang cư trú sinh sống tại số 301 ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình;

thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Gấm Nh có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Gấm Nh:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông L tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01 đăng ký ngày 21/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An cấp nên xác định hôn nhân giữa bà Nh và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống giữa bà Nh và ông L đã phát sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân do bà Nh trình bày và vợ chồng sống ly thân hơn ba tháng nay, hai bên không liên lạc gì với nhau. Ông L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án biết được việc bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông L tại Tòa án nhưng ông L vẫn không có ý kiến, luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn tình cảm giữa bà Nh và ông L là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho bà Nh được ly hôn với ông L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Bà Gấm Nh xác định giữa bà và ông L có 01 con chung tên Nguyễn An N, sinh ngày 19/5/2000, hiện đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] Về chia tài sản: Do ông L cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày việc chia tài sản. Bà Gấm Nh xác định giữa bà Gấm Nh và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Do ông L cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày về nợ chung. Bà Gấm Nh xác định giữa bà Gấm Nh và ông L không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên có phát sinh tranh chấp về nợ chung sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Gấm Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Gấm Nh về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Gấm Nh được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Gấm Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003392 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Gấm Nh đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An; *(để ghi vào sổ hộ tịch)*
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương